

Biểu mẫu 01

**UBND TP THỦ DẦU MỘT
TRƯỜNG MẦM NON HOA CÚC**

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2024 - 2025

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở Nhà trẻ - Thực hiện được các vận động cơ bản theo độ tuổi. - Có một số tố chất vận động ban đầu (nhạy nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể). - Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay. - Có khả năng làm một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân.	- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi - Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế. - Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian. - Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay. - Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe. - Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	- Thực hiện theo chương trình giáo dục mầm non của Bộ giáo dục đào tạo. Thực hiện theo Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT * <u>Phát triển thể chất:</u> - Phát triển một số tố chất vận động ban đầu (nhạy nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể). - Có khả năng phối hợp khéo léo cử động của bàn tay, ngón tay. - Có khả năng làm một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.	- Thực hiện theo chương trình giáo dục mầm non của Bộ giáo dục đào tạo. Thực hiện theo Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT * <u>Phát triển thể chất:</u> - Thực hiện các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp. - Thực hiện các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động. - Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay. - Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống



		<u>* Phát triển nhận thức:</u> - Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh - Có sự nhạy cảm của các giác quan - Có khả năng quan sát nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản. - Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, gần gũi quen thuộc <u>* Phát triển ngôn ngữ:</u> - Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói. - Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ. - Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói. - Hồn nhiên trong giao tiếp. <u>* Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội:</u> - Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi. - Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người sự vật gần gũi. - Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt. - Thích hát, nghe hát và vận động theo nhạc, thích vẽ, xé dán và xếp hình.	đối với sức khỏe. - Thực hiện một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt. <u>* Phát triển nhận thức:</u> - Ham hiểu biết thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh - Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán chú ý ghi nhớ có chủ định - Có khả năng diễn đạt hiểu biết bằng các cách khác nhau (hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu - Có một số hiểu biết ban đầu về con người, hiện tượng sự vật xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán. <u>* Phát triển ngôn ngữ:</u> - Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói giao tiếp hằng ngày. - Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...) - Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong đời sống hằng ngày. - Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp độ tuổi. - Có một số kỹ năng ban đầu về đọc viết. <u>* Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội:</u> - Có ý thức về bản thân, - Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực. - Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm chia sẻ. - Thực hiện một số quy tắc quy định ở gia đình, trường lớp, cộng đồng gần gũi. <u>* Phát triển thẩm mỹ:</u> - Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm
--	--	---	---

Biểu mẫu 02

UBND TP THỦ DẦU MỘT
TRƯỜNG MẦM NON HOA CÚC

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2024 - 2025

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	283			15	55	88	125
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	283			15	55	88	125
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	283			15	55	88	125
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe							
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng							
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	246			14	51	70	110
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	4				1	3	
3	Số trẻ suy dinh dưỡng 2 thể	1					1	
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể gầy còm	11			1	1	9	
5	Số trẻ thừa cân	9					1	8
6	Số trẻ béo phì	11				1	3	7
7	Số trẻ có chiều cao bình thường	246						
8	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	2				1	1	
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	283			15	55	88	125
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ				15			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	268				55	88	125

Định Hòa, ngày 5 tháng 09 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Trần Thị Phúc Hậu

Biểu mẫu 03

UBND TP THỦ DẦU MỘT
TRƯỜNG MẦM NON HOA CÚC

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2024 -2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng		Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	17	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	8579 m ²	33,51 m ²
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1190 m ²	4,64 m ²
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	643,3 m ²	2,51 m ²
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	203,05 m ²	0,79 m ²
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	255,62 m ²	0,99 m ²
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	73,5 m ²	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	73,5 m ²	
7	Diện tích phòng máy tính (trẻ làm quen với thiết bị thông minh)	108 m ²	
8	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	189 m ²	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	10	1
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	0
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	38	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử - tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	20 12 12 8 2	Máy tính Ti vi Đầu đĩa Bộ thiết bị dạy học thông minh phát triển kỹ năng Bộ thiết bị cho trẻ “ Làm

			quen tiếng anh”
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)	14	Số thiết bị/nhóm (lớp) 1: Bộ thiết bị MN 2 tuổi 4: Bộ thiết bị MN 3 tuổi 4: Bộ thiết bị MN 4 tuổi 5: Bộ thiết bị MN 5 tuổi

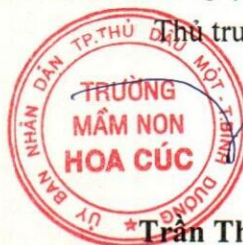
		Số lượng (m ²)				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	12	0	10	0	0,79
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(* Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/ TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	

Định Hòa, ngày 5 tháng 9 năm 2024

Chủ trường đơn vị



Trần Thị Phúc Hậu

Biểu mẫu 04

UBND TP THỦ DẦU MỘT
TRƯỜNG MẦM NON HOA CÚC

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2024 - 2025**

ST T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	Th S	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên														
I	Giáo viên	20			9	11				15	4	6	14		
1	Nhà trẻ	2				2				2		1	1		
2	Mẫu giáo	18			9	9				14	4	5	13		
II	Cán bộ quản lý	3			2	1				1	2	3			
1	Hiệu trưởng	1			1						1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2			1	1				1	1	2			
III	Nhân viên	12			1			11							
1	Nhân viên văn thư Thủ quỹ	1													
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Nhân viên cấp dưỡng	6						6							
4	Nhân viên bảo vệ	3						3							
5	Nhân viên phục vụ	2						2							

Định Hòa, ngày 5 tháng 9 năm 2024

Hiệu Trưởng



Trần Thị Phúc Hậu